TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NHƠN TRẠCH** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2025/KDTM-ST
Ngày: 21-5-2025
V/v: "Tranh chấp hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NHƠN TRẠCH, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Lâm

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Tấn Đạt

Ông Nguyễn Thanh Hoà

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Đình Linh Chi - Là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Nhơn Trạch tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Hương Thuỷ- Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 5 năm 2025 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 45/2024/TLST-KDTM ngày 14 tháng 11 năm 2024 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2025/QĐXXST-KDTM ngày 01 tháng 4 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên toà số 20/2024/QĐDS-ST ngày 24 tháng 4 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP N

Địa chỉ: Số A T, phường L, quận H, TP ..

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Thanh T- Chức danh: Chủ tịch hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Thiều Đình T1 (Theo văn bản uỷ quyền ngày 15/12/2023)

2. Bị đơn:

2.1. Bà Trần Thị M, sinh năm 1982

2.2 . Ông Nguyễn Khắc T2, sinh năm 1971

Cùng địa chỉ: khu phố M, thị trấn H, huyện N, tỉnh Đồng Nai.

(Ông T1 có mặt; Bà M và ông T2 vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 02/10/2023 và các lời khai tại hồ sơ, nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần N do ông Thiều Đình T1 đại diện trình bày:

Bà Trần Thị M và ông Nguyễn Khắc T2 và Ngân hàng TMCP N - Chi nhánh N1 đã ký kết Hợp đồng tín dụng số 2023452/KHBL-HM ngày 04/4/2023 với nội dung: Ngân hàng cho bà M- ông T2 vay số tiền 3.900.000.000 đồng. Mục đích sử dụng: Bổ sung vốn kinh doanh; thời hạn vay là 12 tháng; lãi suất trong hạn: Lãi suất cố định theo lãi suất của Ngân hàng TMCP N tại thời điểm nhận nợ. Hiện đang áp dụng: 7.8%, cố định trong suốt thời gian vay; lãi suất quá hạn: 130% lãi suất cho vay trong hạn. Sau khi ký hợp đồng, Ngân hàng TMCP N đã giải ngân cho bà M- ông T2 vay số tiền 3.9000.000.000đ nêu trên.

Để bảo đảm cho khoản vay trên, bà M- ông T2 đã thế chấp quyền sử dụng quyền sử dụng đất thửa số 34 tờ bản đồ số 61 xã X, huyện C, tihn3 Bà Rịa Vũng T3. Hợp đồng thế chấp nêu trên đã được Văn phòng C, tihn3 B công chứng ngày 23/8/2022. Việc thế chấp đã được đăng ký ngày 25/8/2022 tại Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh B.

Đến ngày 28/8/2023, bà M- ông T2 vi phạm hợp đồng, không tiếp tục thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ gốc, lãi theo thoả thuận. Ngân hàng TMCP N đã nhiều lần làm việc trực tiếp và có văn bản yêu cầu bà M- ông T2 thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ nêu trên nhưng bà M- ông T2 vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc, lãi cho Ngân hàng.

Vì vậy, Ngân hàng TMCP N yêu cầu khởi kiện:

Tuyên buộc bà Trần Thị M- ông Nguyễn Khắc T2 phải thực hiện nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP N toàn bộ số tiền tính đến ngày 21/5/2025 là: 4.645.084.027 đồng trong đó: nợ gốc là 3.900.000.000 đồng, nợ lãi là 582.643.151 đồng, nợ lãi quá hạn là 162.440.876 đồng.

Tuyên buộc bà M- ông D phải tiếp tục trả lãi phát sinh theo mức lãi thỏa thuận tại hợp đồng cho vay theo hạn mức số 2023452 /KHBL-HM ngày 04/4/2023 kể từ ngày tiếp theo của ngày Tòa án xét xử cho đến ngày thực tế bà M- ông T2 trả hết nợ gốc cho Ngân hàng.

Đối với quyền sử dụng đất thửa số 34 tờ bản đồ số 61 xã X, huyện C, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu là tài sản thế chấp được bảo đảm thi hành án.

Bị đơn bà Trần Thị M và ông Nguyễn Khắc T2 không đến Toà án tham gia tố tụng và cung cấp chứng cứ để giải quyết vụ án.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nhơn Trạch:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa là đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

+ Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền tính đến ngày 21/5/2025 là: 4.645.084.027 đồng trong đó: nợ gốc là 3.900.000.000 đồng, nợ lãi là 582.643.151 đồng, nợ lãi quá hạn là 162.440.876 đồng. Đối với tài sản thế chấp được đảm bảo thi hành án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Bị đơn bà Trần Thị M và ông Nguyễn Khắc T2 đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bà Trần Thị M và ông Nguyễn Khắc T2.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Ngân hàng TMCP N khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Nhất D- bà Nguyễn Thị Ngọc D1 thanh toán số tiền vay theo hợp đồng tín dụng nên xác định quan hệ pháp luật trong vụ án này là: "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo khoản 1 Điều 30 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP N:

[3.1] Đối với số tiền nợ gốc và lãi:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ và lời khai của nguyên đơn nên có đủ cơ sở xác định: Bà Trần Thị M - ông Nguyễn Khắc T2 và Ngân hàng TMCP N - Chi nhánh N1 đã ký kết Hợp đồng cho vay theo hạn mức số 2023452/KHBL-HM ngày 04/4/2023 với nội dung: Ngân hàng cho bà M- ông T2 vay số tiền 3.900.000.000 đồng. Mục đích sử dụng: Bổ sung vốn kinh doanh; thời hạn vay là 12 tháng; lãi suất trong hạn: Lãi suất cố định theo lãi suất của Ngân hàng TMCP N tại thời điểm nhận nợ. Hiện đang áp dụng: 7.8%, cố định trong suốt thời gian vay; lãi suất quá hạn: 130% lãi suất cho vay trong hạn. Sau khi ký hợp đồng, Ngân hàng TMCP N đã giải ngân cho bà M- ông T2 vay số tiền 3.9000.000.000đ nêu trên.

Từ ngày 28/8/2023, bà M – ông T2 không tiếp tục thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiền gốc, lãi theo hợp đồng đã ký kết là vi phạm hợp đồng, gây thiệt hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà M- ông T2 phải có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng số tiền 4.645.084.027 đồng; trong đó: nợ gốc là 3.900.000.000 đồng; nợ lãi 582.643.151 đồng; nợ lãi quá hạn 162.440.876 đồng là có căn cứ và phù hợp với quy định tại các Điều 466, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 và Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng.

[3.2] Đối với tài sản thế chấp:

Để bảo đảm cho khoản vay trên, bà M- ông T2 đã thế chấp quyền sử dụng đất thửa số 34 tờ bản đồ số 61 xã X, huyện C, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu. Hợp đồng thế chấp nêu trên đã được Văn phòng C, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu công chứng ngày 23/8/2022. Việc thế chấp đã được đăng ký ngày 25/8/2022 tại Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh B.

Xét việc thế chấp quyền sử dụng đất của bà M- ông T2 là hoàn toàn tự nguyện và đúng quy định của pháp luật nên tài sản thế chấp nêu trên được đảm bảo nghĩa vụ thanh toán nợ cho Ngân hàng là phù hợp với quy định tại các điều 317, 318, 319 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP N, buộc bà M- ông T2 có trách nhiệm thanh toán số tiền gốc 4.645.084.027 đồng trong đó: nợ gốc là 3.900.000.000 đồng, nợ lãi là 582.643.151 đồng, nợ lãi quá hạn là 162.440.876 đồng.

Đối với quyền sử dụng đất thửa số 34 tờ bản đồ số 61 xã X, huyện C, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu là tài sản thế chấp được đảm bảo thi hành án.

[4] Đối với nghĩa vụ chậm thi hành án tiền vay do tổ chức tín dụng cho vay được áp dụng theo Án lệ số 08/2016/AL của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao thông qua ngày 17/8/2016 và công bố theo Quyết định số 698/QĐ.CA ngày 17/10/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân Tối Cao để tính lãi chậm trả.

[5] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bà M- ông T2 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 112.645.084 đồng.

Hoàn trả cho nguyên đơn tiền tạm ứng án phí đã nộp là 56.192.000đ theo biên lai tạm ứng án phí số 0022183 ngày 30/10/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Nhơn Trạch.

[6] Về lệ phí xem xét thẩm định tại chỗ: Bị đơn bà Trần Thị M và ông Nguyễn Khắc T2 phải nộp 2.000.000đ tiền lệ phí xem xét thẩm định tại chỗ. Nguyên đơn tạm ứng trong quá trình tố tụng giải quyết vụ án nên bà M- ông T2 phải hoàn trả lại cho nguyên đơn số tiền nêu trên.

[7] Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân huyện Nhơn Trạch về việc đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp với nhận định nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 30, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 317, 318, 319, 325, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 100, 103 Luật các tổ chức tín dụng năm 2024; Án lệ số 08/2016/AL của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối Cao thông qua ngày 17/8/2016 và công bố theo Quyết định số 698/QĐ.CA ngày 17/10/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân Tối Cao.

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30-12-2016, của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XIV quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần N đối với bị đơn bà Trần Thị M – ông Nguyễn Khắc T2 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng".

Xử buộc bà Trần Thị M- ông Nguyễn Khắc T2 phải thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần N tổng số tiền nợ gốc lãi là 4.645.084.027 đồng (Bốn tỷ sáu trăm bốn mươi lăm triệu không trăm tám mươi bốn nghìn không trăm hai mươi bảy đồng); trong đó: nợ gốc là 3.900.000.000 đồng, nợ lãi là 582.643.151 đồng, nợ lãi quá hạn là 162.440.876 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, bà M- ông T2 còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Đối với quyền sử dụng đất thửa số 34 tờ bản đồ số 61 xã X, huyện C, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu là tài sản thế chấp được đảm bảo nghĩa vụ thanh toán nợ của bà Trần Thị M- ông Nguyễn Khắc T2.

2. Về án phí: Bà Trần Thị M- ông Nguyễn Khắc T2 phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 112.645.084 đồng (Một trăm mười hai triệu sáu trăm bốn mươi lăm nghìn không trăm tám mươi bốn đồng).

Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP N số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 56.192.000đ theo biên lai tạm ứng án phí số 0022183 ngày 30/10/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai.

Về lệ phí xem xét thẩm định tại chỗ: Bị đơn bà Trần Thị M và ông Nguyễn Khắc T2 phải nộp 2.000.000đ tiền lệ phí xem xét thẩm định tại chỗ. Nguyên đơn tạm ứng trong quá trình tố tụng giải quyết vụ án nên bà M- ông T2 phải hoàn trả lại cho Ngân hàng TMCP N số tiền nêu trên.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có

quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Các đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đồng Nai
- VKSND huyện Nhơn Trạch;
- Chi cục THADS huyện Nhơn Trạch;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Văn Lâm